

Số: 114/2022/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 04 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng vốn của Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho các sở, ngành, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình có trọng tâm, trọng điểm và bền vững tại các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý, tăng cường lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách, chương trình, đề án giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; giảm thiểu tình trạng đầu tư dàn trải, chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng thụ hưởng của các Chương trình, thì được áp dụng định mức phân bổ theo một trong các Chương trình phù hợp nhất.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách Trung ương

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Trung ương

a) Quy mô dân số, số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021 và số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đơn vị hành chính cấp xã của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào Nghị quyết số 830/NQ-BTVQH14 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hòa Bình.

c) Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

d) Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm theo các cấp độ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền công bố đến năm 2021. Loại hình đào tạo và số lượng tuyển sinh tương ứng với loại hình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hòa Bình công bố.

e) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê tỉnh Hòa Bình.

f) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu công bố năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Quy định chung

a) Thực hiện phân bổ theo tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, tiểu dự án thành phần ưu tiên thực hiện đối ứng các dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ quy định của các Bộ, ngành Trung ương (nếu có).

b) Tổng vốn đối ứng từ ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025 phải bảo đảm mức không dưới 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương theo quy định tại Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các huyện, thành phố phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các huyện, thành phố không bố trí đủ vốn đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch năm sau, sẽ bị trừ tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện, thành phố.

2. Quy định cụ thể

a) Đối với nguồn vốn Trung ương của Chương trình giao cho các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh tổ chức thực hiện:

Ngân sách tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng không dưới 10% tương ứng với vốn đầu tư, vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình đối với các nội dung do các các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh tổ chức thực hiện.

b) Đối với nguồn vốn giao cho các huyện, thành phố tổ chức thực hiện:

Các huyện, thành phố được nhận hỗ trợ từ ngân sách Trung ương: Hằng năm, ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương trong năm hỗ trợ thực hiện Chương trình cho huyện, thành phố.

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Vụ pháp chế, Bộ LĐTB&XH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ + CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

Phụ lục I

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo
*(Kèm theo Nghị quyết số 114 /2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho huyện nghèo.
 2. Tỉnh Hòa Bình chỉ có 01 huyện nghèo do đó:
 - a) Phân bổ 100% kinh phí được ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện Đà Bắc.
 - b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách Trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của huyện Đà Bắc.
-

Phụ lục II

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
(Kèm theo Nghị quyết số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho các huyện, thành phố.
2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- C_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

- Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức :

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Phụ lục III

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
(Kèm theo Nghị quyết số 114 /2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ tối đa 20% vốn ngân sách Trung ương của Tiêu dự án cho các Sở, ngành và tối thiểu 80% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q.X_i.Y_i$$

Trong đó:

- $Đ_i$ là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
 - X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
 - Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$.
- HN_i là hệ số địa bàn khó khăn.
 $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .
- Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i.Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
- Dưới 10%	1
- Từ 10% đến dưới 15%	1,2
- Từ 15% đến 20%	1,4

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

- E_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
- DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i .
- Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i \times 3 + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

- Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

Phụ lục IV

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
(Kèm theo Nghị quyết số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**a) Đối với vốn đầu tư phát triển:**

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương của tiểu dự án để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Phân bổ vốn theo danh mục dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp:

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho các sở, ngành.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	0,5
- Trung cấp	0,6
- Cao đẳng	0,7
2. Tiêu chí 2: Loại hình đào tạo	
- Sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng	0,5
- Trung cấp	0,6
- Cao đẳng	0,7
3. Tiêu chí 3: Cấp độ đào tạo nghề	
- Cấp độ quốc gia	0,5
- Cấp độ khu vực ASEAN	0,6
4. Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
- Dưới 200 người/năm	0,4

Tiêu chí	Hệ số
- Từ 200 đến dưới 500 người/năm	0,5
- Từ 500 đến dưới 700 người/năm	0,6
- Từ 700 đến dưới 900 người/năm	0,7
- Từ 900 người/năm trở lên	0,8

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
 Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$H_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

- H_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức:

$$X_i = CS_i + (ĐT_i + CD_i) \times 3 + SL_i$$

CS_i là hệ số tiêu chí loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

$ĐT_i$ là hệ số tiêu chí Loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

CD_i là hệ số tiêu chí cấp độ đào tạo nghề của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

SL_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i .

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

- G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
- Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện	
- Dưới 1.000 người/năm	0,5
- Từ 1.000 người/năm trở lên	0,6

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

- K_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh các đối tượng của Tiểu dự án trên địa bàn huyện thứ i .

- Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Do tỉnh Hòa Bình có 01 huyện nghèo do đó phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án cho huyện Đà Bắc.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Tối thiểu 60% cho các sở, ngành; tối đa 40% cho các huyện, thành phố.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45

Tiêu chí	Điểm hệ số
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ. 8000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Huyện có lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
- Dưới 40.000 người	1
- Từ 40.000- đến dưới 70.000 người	1,3
- Từ 70.000 người trở lên	1,6

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- M_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
- Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .
- Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương để phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Phụ lục V

Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo
*(Kèm theo Nghị quyết số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

1. Vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hàng năm do Trung ương phân bổ vốn cho địa phương và căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Đà Bắc.

2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương.

Phụ lục VI

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
(Kèm theo Nghị quyết số 114/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiêu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành; tối thiểu 70% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

- Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

- D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

- G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 của Chương trình; D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của các huyện, thành phố.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 45% cho các sở, ngành; tối thiểu 55% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6

Tiêu chí	Điểm hệ số
- Từ. 8000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- P_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
- X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
- Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.

HN_i hệ số địa bàn khó khăn.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

- Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

Phụ lục VII

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
(Kèm theo Nghị quyết số 114 /2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

1. Phân bổ vốn ngân sách Trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 35% cho các sở, ngành; tối thiểu 65% cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Điểm hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 5%	0,4
- Từ 5% đến dưới 20%	0,5
- Từ 20% đến dưới 35%	0,6
- Từ 35% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,45
- Từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,5
- Từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,6
- Từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,7
- Từ 10.000 hộ trở lên	0,8
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
- Mỗi xã/phường/thị trấn	0,1

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

- R_i là vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho huyện thứ i .
 - X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .
 - Y_i là tổng hệ số tiêu chí địa bàn khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$.
- HN_i hệ số địa bàn khó khăn.
- $ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .
- Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Dự án 07 của Chương trình.
